

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 60/2021/HSST
Ngày 30 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Vũ Kiêm Toàn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà: Ông **Phạm Mạnh Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST-HSinh ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST- HSinh ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Văn S, Sinh ngày: 04/8/1973 tại Thanh Thủy; Nơi cư trú: Khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn Trụ, Sinh năm 1945 và bà Trần Thị Hương, Sinh năm 1947; Vợ: Lỗ Thị Hồng Diên, Sinh năm 1976; Con: Có 02 con, lớn Sinh năm 1997, nhỏ Sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/9/2007 Lương Văn S đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: Đánh bạc. S đã chấp hành xong toàn bộ Bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị hại: Chị Lò Thị N, Sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản MK, xã CK, Vân Hồ, Sơn La (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Văn L, Sinh năm 1993; Trú tại: xã TS, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Chị Bùi Thị M, Sinh năm 1991; Trú tại khu 2, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Kiều Đại N2, Sinh năm 1983 trú tại khu 2, xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2020, anh Kiều Đại N2 cùng vợ là chị Bùi Thị M mở quán hát karaoke “Mai Về” ở khu 13, xã HX, Thanh Thủy, giấy phép kinh doanh mang tên chị Bùi Thị M. Quán hoạt động được khoảng 02 tháng, do kinh tế khó khăn nên anh N2 đã rủ bạn là bị cáo Lương Văn S cùng góp vốn làm chung quán hát “Mai Về” và được S đồng ý, anh N2 và S cùng nhau quản lý quán. Đến cuối tháng 6/2021, anh Phạm Ngọc Tình, Sinh năm 1988 ở thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (là nhân viên quản lý phòng hát của quán Karaoke Mai về) có giới thiệu và xin cho chị Lò Thị N (tên gọi khác là Kiều) vào làm nhân viên phục vụ tại quán “Mai về” và được anh N2 và S đồng ý. Do chị N có nợ tiền của anh Trần Trọng Nguyên ở khu 11 xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba (là chủ quán Karaoke Hồng Ngọc – là nơi làm việc trước đây của chị N) nên chị N có hỏi vay Tình số tiền 17.000.000 đồng để trả nợ cho anh Nguyên, do không có tiền nên Tình hỏi và bảo S cho chị N vay số tiền 17.000.000 đồng để chị N trả nợ cho anh Nguyên, sau đó chị N sẽ sang làm việc cho quán của S. Nghe Tình nói vậy, S đồng ý và chuyển vào tài khoản của chị N số tiền 17.000.000 đồng (số tài khoản của chị N là 22042053624428 ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Oai- Hà Nội). Sau khi nhận được tiền, chị N trả hết nợ cho anh Nguyên rồi tự bắt xe khách đến quán hát “Mai Về” làm nhân viên phục vụ phòng hát của quán “Mai về”. Đến ngày 10/7/2021, chị N xin về quê thăm nhà và hỏi vay thêm của Tình 3.000.000 đồng, thì Tình cho N biết số tiền 17.000.000 đồng lần trước là do S cho N vay. N đồng ý và hỏi vay thêm của S 3.000.000 đồng. S đồng ý cho vay và đưa tiền cho N, tổng cộng N vay của S số tiền 20.000.000 đồng. Vài hôm sau, chị N quay trở lại quán làm việc. Đến ngày 20/7/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19, quán hát phải đóng cửa nên nhân viên phục vụ quán về quê hết. Còn chị N, chưa có tiền để trả nợ cho S nên S yêu cầu chị N viết giấy nợ và yêu cầu chị N ở lại, bao giờ trả được tiền cho S thì mới được về hoặc chờ khi hết dịch quán hát hoạt động trở lại chị N làm cho quán lấy tiền trả nợ cho S. Chị N đồng ý viết giấy nhận vay nợ của S số tiền 20.000.000 đồng (không tính lãi suất). Sau đó S yêu cầu chị N về quán bán hàng ăn của gia đình S ở khu 3, xã BY, huyện Thanh Thủy ở để S còn giám sát quản lý, không cho chị N bỏ về. S có nói với vợ là chị Lò Thị Hồng Diên: *“do dịch bệnh quán Karaoke dừng hoạt động, chị N không có việc làm nên đưa về đây ở cùng gia đình phụ giúp bán hàng ăn, khi nào quán hoạt động trở lại thì sẽ đưa về quán làm việc”*. Nghe S nói vậy nên chị Diên đồng ý cho N ở lại. N ăn ở cùng gia đình S và phụ giúp chị Diên bán hàng ăn. Khoảng 01 tuần sau gia đình chị Diên không đồng ý cho chị N ở nhà chị Diên nữa, nhưng do chị N vẫn chưa có tiền để trả nợ cho S nên S đưa chị N quay lại quán hát “Mai Về”, mua cho chị N một ít đồ ăn khô và nhốt chị N ở trong quán, S thay khóa cửa, rồi khóa cửa lại và cầm chìa khóa đi về nhà. Mục đích S nhốt chị N ở trong quán để chị N không trốn về được, đồng thời giám sát chị N qua camera an ninh của quán. Quá trình bị nhốt, chị N vẫn được sử dụng điện thoại nhưng chỉ được đi lại trong quán, ăn uống bằng đồ ăn nhanh mà S để lại và thỉnh thoảng được bạn trai là anh Phạm Văn L Sinh năm 1993 ở xóm Đá Cóc, xã TS, huyện Thanh Sơn gửi đồ ăn qua khoảng trống giữa cửa với mặt đất. Trong thời gian giam giữ chị N, có hai lần S đến mở cửa quán gặp và hỏi chị N về việc trả nợ cho S, nhưng do chị N chưa có tiền trả nên S tiếp tục nhốt chị N ở trong quán và khóa cửa ngoài rồi đi về

nhà. Trong thời gian này, anh Kiều Đại N2 có đến quán hát để bảo trì thiết bị âm thanh và phát hiện khóa cửa bị thay nên đã điện thoại cho S và được S cho biết đã thay ổ khóa của quán. Anh N2 đến nhà S lấy chìa khóa để mở khóa quán hát “Mai Về” thì phát hiện chị N ở trong quán. Anh N2 hỏi chuyện rồi cho chị N về, nhưng chị N sợ vì chưa có tiền để trả nợ cho S nên không dám về. Sau khi bảo trì âm thanh xong, do chị N không dám về nên anh N2 để chị N ở lại bên trong quán, rồi khóa cửa quán như cũ và trả lại chìa khóa cho S. Đến tối ngày 11/8/2021, chị N sợ và thấy sức khỏe yếu nên đã gọi điện đến tổng đài 113 Công an tỉnh Phú Thọ để trình báo sự việc, đồng thời gọi điện thoại báo cho anh L biết việc chị bị ốm mệt. Anh L lo lắng cho sức khỏe của chị N nên đã đem theo chiếc búa đinh đến quán Mai về, dùng búa đinh đập phá khóa cửa quán, sau khi phá được khóa cửa anh L cầm ổ khóa và chiếc búa vút ở lề đường đối diện quán hát rồi vào trong quán thì cùng lúc đó lực lượng Công an huyện Thanh Thủy đến giải quyết sự việc.

Khi đến kiểm tra quán thấy cửa quán mở và có chị Lò Thị N và anh Phạm Văn L đang ở trong quán. Khoảng 10 phút sau, anh Kiều Đại N2, Sinh năm: 1983 ở khu 2, BY, Thanh Thủy (chồng chị M) đến quán. Quá trình làm việc Công an huyện Thanh Thủy đã lập biên bản sự việc tạm giữ 01 đầu thu Camera nhãn hiệu DAHUA Techuologg màu đen và đưa những người liên quan về Công an huyện Thanh Thủy để xác minh, làm rõ.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm có thu giữ 01 ổ khóa nhãn hiệu “Viet Tiep” màu đen, kích thước 0,1 x 0,06 (m), khóa trong tình trạng mở, lỗ khóa trên ổ khóa bị bung bật lẫy chốt, xung quanh phát hiện vết va chạm biến dạng kim loại, khóa bám dính nhiều đất và không sử dụng được; 01 chiếc búa bằng kim loại, thân cán búa bằng kim loại được hàn cố định với đầu búa, một đầu búa bản vuông, một đầu búa vát; cán búa dài 0,43m bằng kim loại đường kính 0,03m; đầu búa kích thước 0,14 x 0,02 (m).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn S. Quá trình khám xét đã thu giữ 01 mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i màu đỏ đen, biển kiểm soát 19L1-236.50; kiểm tra trong cốp xe có 01 ví giả da bên trong có 01 chứng minh thư mang tên Lương Văn S; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19L1-236.50 mang tên Lỗ Thị Hồng Diễm và số tiền 12.150.000 đồng. Lương Văn S đã giao nộp 01 chiếc chìa khóa nhãn hiệu Việt Tiep màu trắng.

Đối với anh Kiều Đại N2 và anh Phạm Văn L: anh Kiều Đại N2 là người cùng Lương Văn S kinh doanh dịch vụ Karaoke tại quán Mai về. Quá trình điều tra xác định: Việc S cho chị N vay tiền và quá trình S có hành vi giam chị N tại quán Karaoke “Mai về” S đều không bàn bạc, trao đổi gì với anh N2. Ngoài ra, trong thời gian chị N bị S giam giữ, N2 có đến quán hát để bảo trì thiết bị âm thanh thì phát hiện chị N bị S giam giữ tại quán, N2 đã mở cửa và bảo chị N đi ra ngoài để đi về nhà, nhưng do sợ S nên chị N không dám trốn về, sau đó N2 đã khóa cửa quán lại như cũ. Còn anh Phạm Văn L - là bạn trai của chị N. Trong thời gian chị N bị S giam tại quán Karake “Mai về”, L biết và còn mang đồ ăn đưa vào quán cho chị N, đến ngày 11/8/2021, khi biết chị N sức khỏe yếu, L đã dùng búa phá khóa giải cứu chị N. Như vậy, Kiều Đại N2 và Phạm Văn L đều biết rõ việc S giam giữ chị N trong một khoảng thời gian nhất định tại quán

Karaoke “Mai về” là vi phạm pháp luật, nhưng anh N2 và anh L đều không tố giác hành vi phạm tội của S đến các cơ quan chức năng. Tuy nhiên hành vi phạm tội “Giám người trái pháp luật” của S không thuộc các tội danh quy định tại Khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự nên hành vi không tố giác tội phạm của N2 và L không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với Kiều Đại N2 và Phạm Văn L trong vụ án.

Quá trình điều tra, xác định: Trong suốt quá trình giam giữ N tại quán Karaoke “Mai về” thì S không bàn bạc gì với chị Lỗ Thị Hồng Diễm (vợ S), chị Diễm cũng không biết gì về việc S giam giữ N, thời điểm S đưa chị N về nhà ở và phụ giúp chị Diễm bán hàng ăn, chị Diễm cũng không biết việc S giữ chị N ở lại không cho về vì chị N chưa trả tiền nợ cho S. Bên cạnh đó, số tài sản mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà ở của Lương Văn S gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đỏ đen, BKS: 19L1-236.50; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu đỏ đen, BKS: 19L1-236.50 mang tên Lỗ Thị Hồng Diễm và số tiền 12.150.000 đồng; quá trình điều tra xác định: toàn bộ số tài sản này là tài sản hợp pháp của chị Diễm nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Lỗ Thị Hồng Diễm và đã trả lại số tài sản trên cho chị Diễm.

Đối với 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 chứng minh nhân dân số 131489082 mang tên Lương Văn S là đồ vật, tài sản hợp pháp của S, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lương Văn S.

Đối với 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua Technology màu đen do Trung Quốc sản xuất là tài sản hợp pháp của anh Kiều Đại N2, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho Kiều Đại N2.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSTT ngày 16/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Lương Văn S về tội “Giám người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn S phạm tội “Giám người trái pháp luật”; Xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo S đã tự nguyện hỗ trợ bồi thường sức khỏe, tinh thần cho bị hại Lò Thị N số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) chị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 7/2021 đến ngày 11/8/2021, do chị Lò Thị N không có tiền để trả cho bị cáo Lương Văn S số tiền mà chị N đã vay của bị cáo, nên bị cáo đã có hành vi nhốt chị N vào trong quán hát “Mai Về” ở khu 13, xã HX, Thanh Thủy, sau đó bị cáo thay ổ khóa mới và khóa cửa ngoài lại để không cho ai đến giải cứu, giam chị N bên trong với mục đích khi nào chị N trả tiền cho bị cáo thì bị cáo mới thả cho chị N về. Bị cáo giám sát chị N qua camera an ninh của quán. Quá trình giam chị N trong quán, bị cáo S vẫn cho chị N sử dụng điện thoại và ăn uống đầy đủ, bị cáo không đe dọa hoặc có hành vi khác uy hiếp tinh thần của chị N, do vậy chị N không bị ảnh hưởng gì nhiều đến sức khỏe, tinh thần. Chị N bị giam trong quán khoảng 10 ngày, khi sức khỏe yếu thì chị N đã báo Công an và được giải cứu.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giam người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt đến 03 năm tù.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Việc giam người trái pháp luật của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Ngày 25/9/2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử 03 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án và đã được xóa án tích.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 BLHS đó là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Sau khi thực hiện hành vi

phạm tội, bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần, sức khỏe cho bị hại, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”; Ngoài ra bị cáo S còn được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo có bố đẻ là ông Lương Văn Trụ được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3, mẹ đẻ là bà Trần Thị Hương được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 157, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên bị cáo là người lao động tự do không có chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lò Thị N sau khi bị S giam giữ không ảnh hưởng gì nhiều đến sức khỏe. Tuy nhiên, bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ bồi thường thiệt hại sức khỏe, tinh thần cho chị N số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) chị N đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử cần xác nhận là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản là đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

- Đối với các đồ vật còn lại gồm: 01 ổ khóa nhãn hiệu “Viet Tiep” màu đen, kích thước 0,1 x 0,06 (m), khóa trong tình trạng mở, lỗ khóa trên ổ khóa bị bung bật lẫy chốt, xung quanh phát hiện vết va chạm biến dạng kim loại, khóa bấm dính nhiều đất và không sử dụng được, 01 chìa khóa nhãn hiệu “Viet Tiep” màu trắng, đã cũ, dài 5,5 cm, bản rộng nhất là 2,5 cm của bị cáo S; 01 chiếc búa bằng kim loại, thân cán búa bằng kim loại được hàn cố định với đầu búa, một đầu búa bản vuông, một đầu búa vát; cán búa dài 0,43m bằng kim loại đường kính 0,03m; đầu búa kích thước 0,14 x 0,02 (m) của anh Phạm Văn L, tuy nhiên anh L không yêu cầu được lấy lại. Hội đồng xét xử xét thấy các đồ vật trên không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[7] Đối với Kiều Đại N2 và Phạm Văn L đều biết rõ việc bị cáo S giam giữ chị N trong quán Karaoke “Mai về” là vi phạm pháp luật, nhưng anh N2 và anh L đều không tố giác hành vi phạm tội của bị cáo S đến các cơ quan chức năng. Tuy nhiên hành vi phạm tội “Giam người trái pháp luật” của S không thuộc các tội danh quy định tại Khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự, nên hành vi không tố giác tội phạm của N2 và L không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý đối với Kiều Đại N2 và Phạm Văn L trong vụ án này là phù hợp.

[8] Đối với chị Bùi Thị M đứng tên chủ quán Karaoke “Mai về”. Tuy nhiên chị M không biết gì về việc bị cáo giam chị N trong quán, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Bùi Thị M là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn S phạm tội “*Giam người trái pháp luật*”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Văn S cho Ủy ban nhân dân xã BY, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe, tinh thần cho chị Lò Thị N số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) chị N đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm,

Về xử lý vật chứng: *Căn cứ vào Điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa nhãn hiệu “Viet Tiep” màu đen, kích thước 0,1 x 0,06 (m), khóa trong tình trạng mở, lỗ khóa trên ổ khóa bị bung bật lẫy chốt, xung quanh phát hiện vết va chạm biến dạng kim loại, khóa bám dính nhiều đất và không sử dụng được, 01 chìa khóa nhãn hiệu “Viet Tiep” màu trắng, đã cũ, dài 5,5 cm, bản rộng nhất là 2,5 cm của bị cáo S; 01 chiếc búa bằng kim loại, thân cán búa bằng kim loại được hàn cố định với đầu búa, một đầu búa bán vuông, một đầu búa vát; cán búa dài 0,43m bằng kim loại đường kính 0,03m; đầu búa kích thước 0,14 x 0,02 (m) của anh Phạm Văn L, do anh L không yêu cầu lấy lại.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lương Văn S phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND huyện TT,
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện TT;
- UBND xã BY (TB);
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng